



Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

Báo cáo của Hội đồng quản trị
và
Các báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Ernst & Young

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 3
CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10 - 11
Thuyết minh các báo cáo tài chính riêng	12 - 41

CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn ("Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép hoạt động số 3041/GP-UB, do Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và được cấp giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056679, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng kí lần đầu vào ngày 30 tháng 12 năm 1999. Công ty được cấp Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 03/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 4 năm 2000 và các giấy phép kinh doanh điều chỉnh tiếp theo.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 15 tháng 12 năm 2006 và đã chuyển sang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 29 tháng 10 năm 2007.

Công ty có trụ sở chính đặt tại 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Công ty cũng đồng thời có các chi nhánh đặt tại thành phố Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Hà Nội và Hải Phòng.

Theo quyết định số 895/QĐ-UBCK ngày 09 tháng 12 năm 2009, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp thuận cho Công ty thành lập chi nhánh mới tại Nha Trang.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỎ TỨC

	<i>Đơn vị: đồng Việt Nam</i>	
	<u>Năm 2009</u>	<u>Năm 2008</u>
Lợi nhuận thuần sau thuế	762.989.550.080	259.300.504.110
Cổ tức đã trả trong năm	595.560.000	403.425.784.000
Cổ tức công bố trong năm nhưng chưa trả tại thời điểm cuối năm	153.322.201.000	1.488.118.000
Cổ tức công bố năm trước nhưng chưa trả tại thời điểm cuối năm	1.030.438.000	137.880.000
Lợi nhuận để lại vào cuối năm	1.008.815.735.437	423.558.040.839

CÁC SỰ KIỆN TRONG NĂM

Ngày 30 tháng 1 năm 2009, Công ty đã thực hiện chuyển đổi 1.666.680 trái phiếu SSICB0206 thành cổ phiếu phổ thông và tăng vốn điều lệ thêm 166.668.000.000 đồng Việt Nam theo Giấy phép số 227/UBCK-GP ngày 08 tháng 4 năm 2009.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 1999 Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 9 năm 2003
Ông Nguyễn Hồng Nam	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 1999 Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2009
Ông Akihiko Kanamura	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2008
Ông Ngô Văn Điềm	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2007
Ông Gilles Planté	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 10 năm 2007 Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2009
Ông Bùi Quang NghiêM	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2009
Ông Mark David Whelan	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2009
Bà Đàm Bích Thủy	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2009

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm 2009 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 3 năm 2007
Ông Nguyễn Hồng Nam	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2000 Tái bổ nhiệm ngày 5 tháng 9 năm 2003

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Công văn số 28/2010/CV-SSIHO ngày 11 tháng 01 năm 2010 của SSI gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty sẽ tiến hành thực hiện chuyển đổi 2.222.240 trái phiếu SSICB0306 thành cổ phiếu phổ thông theo tỷ lệ 1:10 vào ngày 30 tháng 01 năm 2010 và trả lãi cho số trái phiếu này. Đây là lần chuyển đổi cuối cùng của số trái phiếu chuyển đổi đã phát hành từ năm 2006.

Do trái phiếu chuyển đổi SSICB0306 đã được phát hành trước khi cổ phiếu SSI được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh nên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh sẽ không điều chỉnh giá tham chiếu cổ phiếu SSI khi tiến hành chuyển đổi trái phiếu SSICB0306 thành cổ phiếu.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc đã cam kết với Hội đồng quản trị rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính riêng kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, và chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Ông Nguyễn Duy Hưng
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 3 năm 2010

Số tham chiếu: 60755007/ 14150543

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị**
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn ("Công ty"), báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng có liên quan cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo ("các báo cáo tài chính riêng") được trình bày từ trang 5 đến trang 41. Việc lập các báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính riêng. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính riêng. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

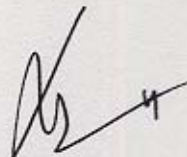
Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, và các chính sách kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan.



Ernst & Young Vietnam Ltd.
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Đình Cường
Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0135/KTV



Võ Xuân Minh
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0923/KTV

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 3 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 Số trình bày lại
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.452.686.415.510	2.255.406.279.680
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	2.553.389.171.951	1.515.530.387.915
111	1. Tiền		1.823.389.171.951	765.078.304.582
112	2. Các khoản tương đương tiền		730.000.000.000	750.452.083.333
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6	1.076.047.202.026	448.078.208.992
121	1. Đầu tư ngắn hạn		1.150.867.843.477	473.781.503.876
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(74.820.641.451)	(25.703.294.884)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	7	816.519.231.762	126.683.340.210
131	1. Phải thu của khách hàng		462.089.440.403	19.539.865.901
132	2. Trả trước cho người bán		5.885.406.051	5.147.469.367
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		54.495.327.058	449.774.597
138	5. Các khoản phải thu khác		299.887.486.641	101.546.230.345
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(5.838.428.391)	-
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		6.730.809.771	165.114.342.563
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		4.335.919.919	2.683.705.855
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	-
154	3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước		-	-
157	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	159.893.780.000
158	5. Tài sản ngắn hạn khác		2.394.889.852	2.536.856.708
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.440.441.029.301	2.848.949.326.640
220	I. Tài sản cố định		162.716.610.964	161.413.031.953
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	33.239.640.866	37.116.573.347
222	Nguyên giá		67.596.703.724	57.453.014.335
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(34.357.062.858)	(20.336.440.988)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	128.533.093.098	124.296.458.606
228	Nguyên giá		137.972.382.591	129.253.731.890
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(9.439.289.493)	(4.957.273.284)
230	3. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang		943.877.000	-
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		2.242.331.573.007	2.668.017.745.600
251	1. Đầu tư vào công ty con	11	30.000.000.000	30.000.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	10	485.000.000.000	485.000.000.000
253	3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	12	1.635.996.635.108	2.312.115.299.038
254	Chứng khoán sẵn sàng để bán		1.635.996.635.108	2.312.115.299.038
255	Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
258	4. Đầu tư dài hạn khác	13	126.393.890.000	131.393.890.000
259	5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	12	(35.058.952.101)	(290.491.443.438)
260	III. Tài sản dài hạn khác		35.392.845.330	19.518.549.087
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	6.273.425.927	6.885.718.025
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29	13.893.705.621	-
263	3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	15	8.389.932.650	6.140.770.930
268	4. Tài sản dài hạn khác	16	6.835.781.132	6.492.060.132
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.893.127.444.811	5.104.355.606.320

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 Số trình bày lại
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		2.084.697.197.000	1.207.079.760.860
310	I. Nợ ngắn hạn		1.845.482.770.304	813.175.246.537
312	1. Phải trả người bán		594.694.015	2.014.849.236
313	2. Người mua trả tiền trước		2.229.777.500	1.918.777.500
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	40.405.031.753	23.618.527.700
315	4. Phải trả người lao động		-	13.750.000
316	5. Chi phí phải trả	18	33.925.154.082	51.051.129.008
320	6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	19	1.452.544.964.388	718.184.058.791
321	7. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	20	157.993.026.898	2.893.987.130
322	8. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		3.269.421.100	534.991.600
328	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	21	154.520.700.568	12.945.175.572
330	II. Nợ dài hạn		239.214.426.696	393.904.514.323
333	1. Phải trả dài hạn khác	22	13.000.000.000	348.551.500
334	2. Vay và nợ dài hạn	23	222.224.000.000	388.892.000.000
335	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
336	4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		3.990.426.696	4.663.962.823
400	B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	24	4.808.430.247.811	3.897.275.845.460
410	I. Vốn chủ sở hữu		4.777.783.527.063	3.813.140.852.282
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.533.334.710.000	1.366.666.710.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		2.095.966.265.902	1.996.057.965.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
414	4. Cổ phiếu quỹ		(449.664.524)	(88.206.646.731)
418	5. Quỹ dự phòng tài chính và dự trữ pháp định		140.116.480.248	115.064.783.174
419	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.008.815.735.437	423.558.040.839
430	II. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		30.646.720.748	84.134.993.178
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		6.893.127.444.811	5.104.355.606.320

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2009

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
001	1. Tài sản cố định thuê ngoài	-	-
002	2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	-	-
003	3. Tài sản nhận ký cược	-	-
004	4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
005	5. Ngoại tệ các loại	-	-
006	6. Chứng khoán lưu ký	7.337.135.000.000	7.094.274.170.000
	<i>Trong đó</i>		
007	6.1. Chứng khoán giao dịch	5.860.423.890.000	6.076.985.050.000
008	6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	887.204.350.000	1.323.811.850.000
009	6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	4.042.599.460.000	3.881.297.350.000
010	6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	930.620.080.000	871.875.850.000
011	6.1.4. Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	-	-
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	592.490.970.000	-
013	6.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	15.166.000.000	-
014	6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	545.295.080.000	-
015	6.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	32.029.890.000	-
016	6.2.4. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	-	-
017	6.3. Chứng khoán cầm cố	625.912.680.000	979.783.520.000
018	6.3.1. Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	-	-
019	6.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	625.912.680.000	979.783.520.000
020	6.3.3. Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	-	-
021	6.3.4. Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	-	-
022	6.4. Chứng khoán tạm giữ	-	-
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	243.940.700.000	37.505.600.000
028	6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	16.542.700.000	1.139.500.000
029	6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	220.938.500.000	34.385.700.000
030	6.5.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	6.459.500.000	1.980.400.000
031	6.5.4. Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác	-	-
032	6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	-	-
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	14.366.760.000	-
038	6.7.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	-	-
039	6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	11.597.360.000	-
040	6.7.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	2.769.400.000	-
041	6.7.4. Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác	-	-
042	6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	-	-
047	6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2009

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

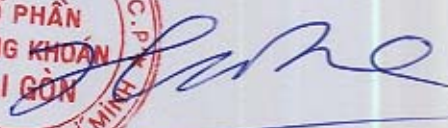
Mã số	CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	85.362.510.000	-
	<i>Trong đó:</i>		
051	7.1. Chứng khoán giao dịch	85.124.510.000	-
052	7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	-	-
053	7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	85.124.510.000	-
054	7.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	-	-
055	7.1.4. Chứng khoán giao dịch của của tổ chức khác	-	-
056	7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	50.000.000	-
057	7.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	-	-
058	7.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	50.000.000	-
059	7.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	-	-
060	7.2.4. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	-	-
061	7.3. Chứng khoán cầm cố	-	-
066	7.4. Chứng khoán tạm giữ	-	-
071	7.5. Chứng khoán chờ thanh toán	188.000.000	-
072	7.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	-	-
073	7.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	188.000.000	-
074	7.5.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	-	-
075	7.5.4. Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác	-	-
076	7.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	-	-
081	7.7. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	-	-
082	8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	-	-
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	-	-
084	10. Chứng khoán nhận uỷ thác đấu giá	-	-
	Tổng cộng tài khoản ngoại bảng	7.422.497.510.000	7.094.274.170.000



Kế toán Trưởng
Hoàng Thị Minh Thủy



Giám đốc Tài chính
Nguyễn Thị Thanh Hà

Tổng Giám đốc
Nguyễn Duy Hưng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: đồng Việt Nam

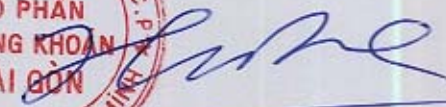
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước Số trình bày lại
01	1. Doanh thu	25	1.133.451.687.284	983.532.468.222
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		196.203.846.337	115.750.733.274
01.2	- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		704.990.066.231	695.652.134.583
01.3	- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		9.236.390.000	8.646.285.660
01.4	- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		-	-
01.5	- Doanh thu hoạt động tư vấn		50.301.749.737	9.456.472.056
01.6	- Doanh thu lưu ký chứng khoán		1.756.798.538	5.413.832.090
01.7	- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá		-	-
01.8	- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản		666.456.491	282.081.100
01.9	- Doanh thu khác		170.296.379.950	148.330.929.459
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25	31.888.000	600.181.818
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	25	1.133.419.799.284	982.932.286.404
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	26	218.372.191.137	702.599.706.601
	<i>Trong đó:</i>			
	Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán		418.848.907.516	447.286.083.829
	Chi phí/ (thu nhập) hoàn nhập dự phòng chứng khoán		(200.476.716.379)	255.313.622.772
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		915.047.608.147	280.332.579.803
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	6.261.966.451	5.504.986.605
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		908.785.641.696	274.827.593.198
31	8. Thu nhập khác	28	137.062.842	25.267.192.151
32	9. Chi phí khác	28	103.548.166	22.335.211.375
40	10. Lợi nhuận khác	28	33.514.676	2.931.980.776
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		908.819.156.372	277.759.573.974
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29	159.723.311.913	18.459.069.864
52	13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	29	(13.893.705.621)	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		762.989.550.080	259.300.504.110
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	5.087	1.933



Kế toán trưởng
Hoàng Thị Minh Thủy



Giám đốc Tài chính
Nguyễn Thị Thanh Hà

Tổng Giám đốc
Nguyễn Duy Hưng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 3 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước Số trình bày lại
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		908.819.156.372	277.759.573.974
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(520.016.277.745)	82.313.625.661
02	Khấu hao tài sản cố định		18.716.980.970	15.829.051.853
03	Các khoản lập dự phòng		(200.476.716.379)	255.313.622.772
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	-
05	Lãi lỗ hoạt động đầu tư		(371.391.481.672)	(244.524.605.298)
06	Chi phí lãi vay		33.134.939.336	55.695.556.334
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		388.802.878.627	360.073.199.635
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(531.372.323.827)	258.625.907.230
10	Tăng, giảm tồn kho, chứng khoán ngắn hạn		(948.205.475.039)	(184.902.395.061)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		876.921.905.728	(627.970.087.499)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(684.888.508)	3.178.667.647
13	Tiền lãi vay đã trả		(53.544.458.821)	(80.394.835.691)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(124.005.717.940)	(91.676.152.004)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.478.260.000	16.962.562.000
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(56.243.253.430)	(72.633.003.730)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(445.853.073.210)	(418.736.137.473)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(21.598.623.229)	(44.778.541.684)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	23.931.083.029
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(271.058.500.000)	(226.339.770.500)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		771.400.569.457	266.757.451.932
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(559.973.396.888)	(307.151.107.864)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.113.948.753.107	991.450.056.936
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		263.923.331.690	234.220.711.315
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.296.642.134.137	938.089.883.164

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: đồng Việt Nam

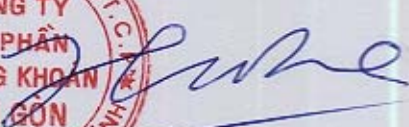
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước Số trình bày lại
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		219.606.045.000	280.000.000
32	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(31.940.761.891)	(88.206.646.731)
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		110.000.000.000	-
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(110.000.000.000)	-
35	Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(595.560.000)	(403.425.784.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		187.069.723.109	(491.352.430.731)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		1.037.858.784.036	28.001.314.960
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1.515.530.387.915	1.487.529.072.955
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	2.553.389.171.951	1.515.530.387.915



Kế toán trưởng
Hoàng Thị Minh Thủy



Giám đốc Tài chính
Nguyễn Thị Thanh Hà

Trưởng Giám đốc
Nguyễn Duy Hưng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 3 năm 2010

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép hoạt động số 3041/GP-UB, do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và được cấp giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056679, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu vào ngày 30 tháng 12 năm 1999. Công ty được cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 03/GPHĐKD, do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 4 năm 2000 và các giấy phép điều chỉnh tiếp theo.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 15 tháng 12 năm 2006 và đã chuyển sang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 29 tháng 10 năm 2007.

Công ty có trụ sở chính đặt tại 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Công ty cũng đồng thời có các chi nhánh đặt tại thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng và Vũng Tàu.

Theo quyết định số 895/QĐ-UBCK ngày 09 tháng 12 năm 2009, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp thuận cho Công ty thành lập chi nhánh mới tại Nha Trang.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 056679 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 30 tháng 12 năm 1999 là 6 tỷ đồng Việt Nam. Vốn điều lệ của Công ty đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép kinh doanh điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, tổng vốn điều lệ của Công ty là 1.533.334.710.000 đồng Việt nam.

Trong năm 2009, Công ty tăng vốn điều lệ như sau:

<i>Vốn tăng lên (đồng Việt Nam)</i>	<i>Được phê duyệt theo</i>	<i>Ngày</i>
1.533.334.710.000	Giấy phép điều chỉnh số 227/UBCK-GP	08 tháng 4 năm 2009

Hội đồng quản trị

Thành viên của Hội đồng quản trị trong năm 2009 và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 1999 Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 9 năm 2003
Ông Nguyễn Hồng Nam	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 1999 Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2009
Ông Akihiko Kanamura	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2008
Ông Ngô Văn Điểm	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2007
Ông Gilles Planté	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 10 năm 2007 Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2009
Ông Bùi Quang Nghiêm	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2009
Ông Mark David Whelan	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2009
Bà Đàm Bích Thủy	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2009

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm 2009 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 3 năm 2007
Ông Nguyễn Hồng Nam	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2000
		Tái bổ nhiệm ngày 5 tháng 9 năm 2003

Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm 2009 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Khải	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 1999
		Tái bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2006
Ông Đặng Phong Lưu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2005
Bà Hồ Thị Hương Trà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2007

Mạng lưới hoạt động

Công ty có trụ sở chính tại 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty có một (01) trụ sở chính, một (01) chi nhánh, ba (03) phòng giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh, hai (02) chi nhánh, một (01) phòng giao dịch tại Hà Nội, một (01) chi nhánh tại Vũng Tàu và một (01) chi nhánh tại Hải Phòng.

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty có một (01) công ty con như sau:

Tên công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	% sở hữu
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)	Giấy phép thành lập và hoạt động số 19/UBCK-GP ngày 3 tháng 8 năm 2007	Quản lý quỹ và quản lý danh mục đầu tư	30 tỷ đồng Việt Nam	100%

Quỹ Tầm nhìn SSI

Trong năm 2007, Công ty đầu tư vào quỹ đầu tư Tầm nhìn SSI với tổng số vốn đầu tư là 485.000.000.000 đồng Việt Nam, chiếm 28,53% tổng giá trị vốn góp của quỹ. Quỹ Tầm nhìn SSI là quỹ thành viên đóng với tổng giá trị vốn góp ban đầu là 1.700 tỷ đồng Việt Nam, có thời hạn hoạt động 5 năm và có khả năng gia hạn thêm 2 năm nữa, và được chấp thuận thành lập theo thông báo xác nhận việc lập quỹ thành viên số 126/TB-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 11 năm 2007.

Nhân viên

Tổng số nhân viên đang làm việc tại SSI đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 399 người (năm 2008 là 372 người).

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng*

Các báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính (thay thế cho Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ Tài chính) và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này, Công ty không áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 07 - Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết. Các chính sách kế toán liên quan đến việc ghi nhận và trình bày các khoản đầu tư vào công ty con và các công ty liên kết được trình bày dưới đây.

Tại thời điểm lập báo cáo, khoản mục tiền gửi của nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán được trình bày trên bảng cân đối kế toán của Công ty, cụ thể là được bao gồm trong các tài khoản tiền gửi ngân hàng do Công ty vẫn đứng tên các tài khoản này tại các ngân hàng thương mại.

Bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Năm 2009 là năm đầu tiên Công ty thực hiện áp dụng Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Sổ nhật ký chung.

2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đồng tiền kế toán*

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VNĐ.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Trình bày lại số đầu kỳ

Năm 2009, Công ty thực hiện áp dụng Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 trong việc lập và trình bày các báo cáo tài chính, theo đó, một số khoản mục trên các báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2008 được trình bày lại cho phù hợp với Thông tư 95/2008/TT-BTC.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

3.3. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 *Khấu hao và khấu trừ*

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Phần mềm	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	không khấu hao

3.6 *Thuê tài sản*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.7 *Đầu tư vào chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán*

Thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận theo phương pháp giá gốc trên các báo cáo tài chính riêng của Công ty. Cổ tức được chia từ lợi nhuận sau thuế của các công ty con được ghi nhận là thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Danh sách các công ty con của Công ty được trình bày tại Thuyết minh số 11.

3.9 Đầu tư vào các quỹ đầu tư trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể

Các khoản đầu tư vào các quỹ đầu tư trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận theo phương pháp giá gốc trên các báo cáo tài chính riêng của Công ty. Cổ tức được chia từ lợi nhuận của các quỹ đầu tư được ghi nhận là thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Danh sách các quỹ đầu tư mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày tại Thuyết minh số 10.

3.10 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính riêng. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản, hoặc chi phí, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính riêng. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán riêng và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu, hoặc khoản phải trả, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân của giai đoạn sáu tháng tính đến thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của năm tài chính

3.14 Cổ phiếu ngân quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu ngân quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam sẽ phân chia theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh bán ra và phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

3.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Đ. P. T. P. H. N. H. P. Y. H. O. U. H. A. N. H. T. P.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

- ▶ Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.
- ▶ Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.
- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.19 Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000 như sau:

	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ Dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>
		<i>Số trình bày lại</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tiền mặt	269.712.784	330.687.419
Tiền gửi ngân hàng	1.823.119.459.167	764.747.617.163
<i>Trong đó:</i>		
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	114.351.866.240	39.826.656.746
<i>Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán</i>	1.708.767.592.927	724.920.960.417
<i>Tiền của người ủy thác đầu tư</i>	-	-
Các khoản tương đương tiền	730.000.000.000	750.452.083.333
<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng</i>	730.000.000.000	750.452.083.333
<i>Tiền của người ủy thác đầu tư</i>	-	-
	2.553.389.171.951	1.515.530.387.915

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	<i>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm</i>	<i>Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VNĐ</i>
1. Của Công ty chứng khoán	185.004.729	9.234.289.976.623
- Cổ phiếu	120.173.759	5.074.146.097.993
- Trái phiếu	37.220.000	3.903.960.409.630
- Chứng khoán khác (chứng chỉ quỹ đầu tư)	27.610.970	256.183.469.000
2. Của nhà đầu tư	2.301.904.664	93.552.326.074.860
- Cổ phiếu	2.085.855.020	84.003.884.220.140
- Trái phiếu	77.323.834	8.028.227.238.720
- Chứng khoán khác (chứng chỉ quỹ đầu tư)	138.725.810	1.520.214.616.000
	2.486.909.393	102.786.616.051.483

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 Số trình bày lại</i>
	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>
Chứng khoán thương mại	1.070.867.843.477	473.781.503.876
Đầu tư ngắn hạn khác	80.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	80.000.000.000	-
	1.150.867.843.477	473.781.503.876

Chứng khoán thương mại

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 Số trình bày lại</i>
	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>
Cổ phiếu niêm yết	634.387.674.784	23.525.518.223
Cổ phiếu chưa niêm yết	136.480.168.693	133.869.946.200
Trái phiếu, kỳ phiếu các loại	300.000.000.000	316.386.039.453
	1.070.867.843.477	473.781.503.876

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư ngắn hạn

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i> <i>Số trình bày lại</i>
	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>
Cổ phiếu niêm yết	45.345.626.683	5.840.555.556
Cổ phiếu chưa niêm yết	29.475.014.768	19.862.739.328
	<u>74.820.641.451</u>	<u>25.703.294.884</u>

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 Số trình bày lại
	VNĐ	VNĐ
1. Phải thu của khách hàng	462.089.440.403	19.539.865.901
<i>Phải thu các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho người đầu tư</i>	136.470.715.606	18.538.344.479
<i>Phải thu khác hàng về hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán</i>	322.681.414.013	-
<i>Phải thu phí tư vấn</i>	1.454.685.890	692.000.000
<i>Phải thu khác</i>	1.482.624.894	309.521.422
2. Ứng trước cho người bán	5.885.406.051	5.147.469.367
3. Phải thu các hoạt động giao dịch chứng khoán	54.495.327.058	449.774.597
<i>Phải thu của Sở GDCK</i>	53.000.000.000	-
<i>Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán</i>	1.495.327.058	449.774.597
4. Phải thu khác	299.887.486.641	101.546.230.345
<i>Lãi tiền gửi</i>	2.931.066.666	1.914.160.589
<i>Vốn ủy thác đầu tư</i>	200.000.000.000	-
<i>Phải thu tổ chức phát hành chứng khoán (trái tức, cổ tức, lãi kỳ phiếu)</i>	42.941.825.174	67.154.262.906
<i>Phải thu theo các hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán</i>	19.892.544.000	29.855.380.000
<i>Phải thu lợi nhuận tích lũy đến 31/12/2008 của công ty con</i>	31.560.377.045	-
<i>Phải thu khác</i>	2.561.673.756	2.622.426.850
5. Dự phòng phải thu danh mục ủy thác đầu tư	(5.838.428.391)	-
	816.519.231.762	126.683.340.210

Khoản phải thu theo các cam kết mua và bán lại chứng khoán là khoản tiền thanh toán để mua các chứng khoán theo thỏa thuận mua và cam kết bán lại với Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản SSI. Thỏa thuận này có thời hạn hiệu lực đến 31 tháng 01 năm 2010 và có mức lãi suất 1,05%/tháng.

Khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư là khoản tiền Công ty tạm thanh toán cho nhà đầu tư tại ngày nhận được thông báo khớp lệnh bán chứng khoán. Theo quy định, nhà đầu tư sẽ nhận được tiền bán chứng khoán vào ngày thứ ba (ngày T+3) kể từ ngày giao dịch khớp lệnh thành công.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	-	45.579.302.432	11.811.176.903	62.535.000	57.453.014.335
Tăng trong kỳ	2.609.391.520	6.097.650.968	2.006.550.000	-	10.713.592.488
<i>Mua mới</i>	2.609.391.520	6.097.650.968	2.006.550.000	-	10.713.592.488
Giảm trong kỳ	-	(569.903.099)	-	-	(569.903.099)
<i>Bán thanh lý</i>	-	(569.903.099)	-	-	(569.903.099)
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	<u>2.609.391.520</u>	<u>51.107.050.301</u>	<u>13.817.726.903</u>	<u>62.535.000</u>	<u>67.596.703.724</u>
Hao mòn lũy kế					
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	-	16.203.594.045	4.106.600.783	26.246.160	20.336.440.988
Tăng trong kỳ	405.842.321	11.710.329.439	2.097.437.920	21.355.081	14.234.964.761
<i>Khấu hao</i>	405.842.321	11.710.329.439	2.097.437.920	21.355.081	14.234.964.761
Giảm trong kỳ	-	(214.342.891)	-	-	(214.342.891)
<i>Bán thanh lý</i>	-	(214.342.891)	-	-	(214.342.891)
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	<u>405.842.321</u>	<u>27.699.580.593</u>	<u>6.204.038.703</u>	<u>47.601.241</u>	<u>34.357.062.858</u>
Giá trị còn lại					
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	-	29.375.708.387	7.704.576.120	36.288.840	37.116.573.347
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	<u>2.203.549.199</u>	<u>23.407.469.708</u>	<u>7.613.688.200</u>	<u>14.933.759</u>	<u>33.239.640.866</u>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Tài sản vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>
Nguyên giá				
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	11.895.739.162	114.481.726.400	2.876.266.328	129.253.731.890
Tăng trong kỳ	9.905.490.341	-	(1.186.839.640)	8.718.650.701
<i>Mua mới</i>	8.583.518.813	-	135.131.888	8.718.650.701
<i>Phân loại lại</i>	1.321.971.528	-	(1.321.971.528)	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	<u>21.801.229.503</u>	<u>114.481.726.400</u>	<u>1.689.426.688</u>	<u>137.972.382.591</u>
Hao mòn lũy kế				
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	4.730.406.860	-	226.866.424	4.957.273.284
Tăng trong kỳ	3.366.123.064	-	1.115.893.145	4.482.016.209
<i>Khấu hao</i>	4.310.711.644	-	171.304.565	4.482.016.209
<i>Phân loại lại</i>	(944.588.580)	-	944.588.580	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	<u>8.096.529.924</u>	<u>-</u>	<u>1.342.759.569</u>	<u>9.439.289.493</u>
Giá trị còn lại				
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	<u>7.165.332.302</u>	<u>114.481.726.400</u>	<u>2.649.399.904</u>	<u>124.296.458.606</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	<u>13.704.699.579</u>	<u>114.481.726.400</u>	<u>346.667.119</u>	<u>128.533.093.098</u>

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

<i>Tên đơn vị nhận vốn đầu tư</i>	<i>Tổng vốn góp của đơn vị nhận đầu tư (VNĐ)</i>	<i>% số hữu của Công ty</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 VNĐ</i>
Quý Tầm nhìn SSI	1.700.000.000.000	28,53%	<u>485.000.000.000</u>	<u>485.000.000.000</u>
TỔNG CỘNG			<u>485.000.000.000</u>	<u>485.000.000.000</u>

Công ty đầu tư vào Quý đầu tư Tầm nhìn SSI với tổng số vốn đầu tư là 485.000.000.000 đồng Việt Nam, chiếm 28,53% tổng giá trị vốn góp của quý. Quý Tầm nhìn SSI là quý thành viên đồng với tổng giá trị vốn góp ban đầu là 1.700 tỷ đồng Việt Nam, có thời hạn hoạt động 5 năm và có khả năng gia hạn thêm 2 năm nữa, và được chấp thuận thành lập theo Thông báo xác nhận việc lập quỹ thành viên số 126/TB-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 11 năm 2007.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và ngày 31 tháng 12 năm 2008 như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008	% sở hữu của Công ty
	VND	VND	
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	30.000.000.000	30.000.000.000	100%
	30.000.000.000	30.000.000.000	

12. ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN DÀI HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
	VND	Số trình bày lại VND
Chứng khoán sẵn sàng để bán		
Trái phiếu	703.023.732.968	924.267.925.893
Niêm yết	441.911.610.771	726.454.669.449
Chưa niêm yết	261.112.122.197	197.813.256.444
Cổ phiếu	932.972.902.140	1.387.847.373.145
Niêm yết	767.170.400.621	803.239.060.875
Chưa niêm yết	165.802.501.519	584.608.312.270
Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	-	-
	1.635.996.635.108	2.312.115.299.038

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
	VND	Số trình bày lại VND
Cổ phiếu niêm yết	8.959.144.379	179.411.815.106
Cổ phiếu chưa niêm yết	26.099.807.722	111.079.628.332
	35.058.952.101	290.491.443.438

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản góp vốn của Công ty vào các đơn vị nhận đầu tư với mục tiêu nắm giữ dài hạn. Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và ngày 31 tháng 12 năm 2008 như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008	% sở hữu của Công ty 2009	% sở hữu của Công ty 2008
	VNĐ	VNĐ		
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	101.393.900.000	101.393.900.000	9,98%	9,98%
Công ty Thủy điện Hòa Na	-	9.000.000.000	0,00%	9,00%
Công ty Xi măng Vissai Miền Trung	10.000.000.000	6.000.000.000	10,00%	12,00%
Công ty CP Đầu tư Bất động sản SSI	14.999.990.000	14.999.990.000	14,99%	14,99%
	126.393.890.000	131.393.890.000		

Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex, tiền thân là Ngân hàng TMCP Đồng Tháp Mười, một ngân hàng TMCP nông thôn thành lập năm 1993. Năm 2006, khi ngân hàng này thực hiện tăng vốn cho mục đích chuyển đổi sang mô hình ngân hàng TMCP đô thị, SSI đã góp vốn vào ngân hàng với tư cách cổ đông chiến lược và có một đại diện trong Hội đồng Quản trị của ngân hàng. Hoạt động chính của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex là cung cấp các dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính có liên quan tại Việt Nam.

Khoản góp vốn thành lập Công ty Thủy điện Hòa Na được thực hiện năm 2007. Hoạt động chính của Công ty Thủy điện Hòa Na bao gồm: sản xuất mua bán điện năng; đầu tư xây dựng các công trình thủy điện; xây lắp công trình điện, kinh doanh vật tư thiết bị trong lĩnh vực điện.

Khoản góp vốn vào Công ty Xi măng Vissai Miền Trung (tên cũ: Công ty Xây dựng và Đầu tư Đại Việt) được thực hiện năm 2007. Hoạt động chính của Công ty bao gồm: khai thác sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất, ngoại thất; thi công lắp đặt, hoàn thiện và trang trí nội ngoại thất cho các công trình xây dựng.

Năm 2007, Công ty cũng thực hiện góp vốn vào Công ty CP Đầu tư Bất động sản SSI với tư cách là cổ đông sáng lập. Hiện tại, chủ tịch Hội đồng Quản trị SSI cũng đồng thời là chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty CP Đầu tư Bất động sản SSI. Hoạt động chính của Công ty bao gồm: kinh doanh nhà; đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư, cao ốc văn phòng; dịch vụ quản lý, cho thuê mặt bằng, văn phòng.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
	VNĐ	Số trình bày lại VNĐ
Chi phí cải tạo văn phòng và công cụ dụng cụ	6.273.425.927	6.885.718.025
	6.273.425.927	6.885.718.025

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i> <i>Số trình bày lại</i>
	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>
Tiền nộp ban đầu	6.087.814.535	6.087.814.535
Tiền nộp bổ sung	2.000.000.000	-
Tiền lãi phân bổ hàng năm	302.118.115	52.956.395
	8.389.932.650	6.140.770.930

16. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i> <i>Số trình bày lại</i>
	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>
Khoản đặt cọc tiền thuê nhà	6.808.525.132	6.469.804.132
Các khoản khác	27.256.000	22.256.000
	6.835.781.132	6.492.060.132

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i> <i>số trình bày lại</i>
	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>
Thuế Giá trị Gia tăng	288.711.888	23.582.189
Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (*)	35.280.492.554	(379.380.041)
Thuế Thu nhập Cá nhân	3.146.875.238	22.537.635.360
Thuế khác	1.688.952.073	1.436.690.192
	40.405.031.753	23.618.527.700

(*) Chi phí thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành ước tính được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 29.

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i> <i>Số trình bày lại</i>
	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>
Chi phí lãi trái phiếu chuyển đổi phải trả	28.769.221.158	49.178.740.643
Chi phí phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm lưu ký Chứng khoán	3.075.622.430	1.055.765.470
Phải trả Công ty Tài chính Dầu khí	1.044.152.643	478.381.895
Phải trả theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	490.958.904	-
Phải trả Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	517.539.664	-
Các khoản khác	27.659.283	338.241.000
	33.925.154.082	51.051.129.008

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
	VNĐ	VNĐ
Phải trả người đầu tư về giao dịch chứng khoán		
<i>Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư tại trụ sở chính</i>	848.109.982.724	519.526.620.449
<i>Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư tại Chi nhánh Hà Nội</i>	413.502.905.278	147.915.961.592
<i>Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư của các chi nhánh và phòng giao dịch khác</i>	190.932.076.386	50.741.476.750
	1.452.544.964.388	718.184.058.791

20. PHẢI TRẢ CỔ TỨC, GỐC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
	VNĐ	VNĐ
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho cổ đông	3.640.387.898	1.267.989.130
Phải trả cổ tức cho cổ đông SSI	154.352.639.000	1.625.998.000
	157.993.026.898	2.893.987.130

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
	VNĐ	VNĐ
Phải trả hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán	27.742.500.000	10.000.000.000
Doanh thu nhận trước	87.410.000	264.083.331
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế phải nộp	48.194.852	42.488.790
Phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh	80.000.000.000	-
Phải trả cho khách hàng nước ngoài	44.023.133.000	-
Phải trả công ty con	1.220.000.000	-
Các khoản khác	1.399.462.716	2.638.603.451
	154.520.700.568	12.945.175.572

Phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 (80 tỷ đồng) thể hiện số dư phải trả về vốn góp từ Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc No Va vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn để thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán. Theo hợp đồng này, SSI cam kết thực hiện việc đầu tư tổng số vốn góp trên thị trường chứng khoán Việt Nam bao gồm, nhưng không hạn chế, đầu tư vào tiền gửi, các loại chứng khoán có thu nhập cố định, cổ phiếu niêm yết và không niêm yết. Kết quả kinh doanh sẽ được phân chia giữa hai bên trên cơ sở vốn góp giữa các bên, tỷ lệ lợi nhuận cố định (14%/năm) và số ngày hiệu lực của hợp đồng.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 Số trình bày lại
	VNĐ	VNĐ
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	13.000.000.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn khác	-	348.551.500
	13.000.000.000	348.551.500

Số dư phải trả dài hạn khác tại 31 tháng 12 năm 2009 thể hiện số tiền đặt cọc của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI) cho giao dịch mua bán cổ phiếu với Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn.

23. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Nợ dài hạn thể hiện số dư trái phiếu chuyển đổi với chi tiết tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009 như được trình bày dưới đây:

Tên Trái phiếu	Ngày bắt đầu	Mệnh giá (VNĐ)	Số lượng	Kỳ hạn (tháng)	Lãi suất (%/năm)	Tổng giá trị (VNĐ)
SSICB0306	30/11/2006	100.000	2.000.000	38	13,80%	200.000.000.000
SSICB0306	29/08/2007	100.000	222.240	38	13,80%	22.224.000.000
						222.224.000.000

Điều kiện và tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu như sau:

- Tỷ lệ chuyển đổi:** Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu bằng mệnh giá, 1 trái phiếu mệnh giá 100.000 đồng Việt Nam chuyển đổi thành 10 cổ phiếu mệnh giá 10.000 đồng Việt Nam.
- Thời gian chuyển đổi:** Chậm nhất vào 30 tháng 1 hàng năm, bắt đầu từ ngày 30 tháng 1 năm 2008, thời hạn chuyển đổi có thể sớm hơn tùy theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
- Các điều kiện khác:** Các trái phiếu này không được bảo đảm. Công ty có quyền không trả trái tức cho các nhà đầu tư nếu như việc chi trả gây lỗ cho công ty, trong trường hợp này, số trái tức chưa trả sẽ được cộng chung vào tiền gốc trái phiếu kỳ hạn tiếp theo để tính lãi. Trong trường hợp Công ty bị phá sản, các nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu sẽ là đối tượng cuối cùng được nhận thanh toán.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu Ngân Quỹ VNĐ	Quỹ dự trữ pháp định và bổ sung vốn điều lệ VNĐ	Quỹ khen thưởng, phúc lợi VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Cho năm tài chính 31 tháng 12 năm 2009							
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	1.366.666.710.000	1.996.057.965.000	(88.206.646.731)	115.064.783.174	84.134.993.178	423.558.040.839	3.897.275.845.460
Hoàn lại thuế năm 2008	-	-	-	-	-	642.042.592	642.042.592
Tăng vốn từ trái phiếu chuyển đổi	166.668.000.000	-	-	-	-	-	166.668.000.000
Mua cổ phiếu quỹ trong năm	-	-	(31.940.761.891)	-	-	-	(31.940.761.891)
Bán cổ phiếu quỹ trong năm	-	99.908.300.902	119.697.744.098	-	-	-	219.606.045.000
Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	25.051.697.074	-	(25.051.697.074)	-
Sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(53.488.272.430)	-	(53.488.272.430)
Lợi nhuận sau thuế 2009	-	-	-	-	-	762.989.550.080	762.989.550.080
Tạm ứng cổ tức trong năm (*)	-	-	-	-	-	(153.322.201.000)	(153.322.201.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	1.533.334.710.000	2.095.966.265.902	(449.664.524)	140.116.480.248	30.646.720.748	1.008.815.735.437	4.808.430.247.811

(*): Trong năm, Công ty đã tạm ứng cổ tức đợt 1 cho năm 2009 với tổng trị giá 153.322.201.000 đồng.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu Ngân quỹ VNĐ	Quỹ dự trữ pháp định và bổ sung vốn điều lệ VNĐ	Quỹ khen thưởng, phúc lợi VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Cho năm tài chính 31 tháng 12 năm 2008							
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	1.199.998.710.000	1.995.777.965.000	-	28.647.186.451	7.847.256.960	815.849.843.038	4.048.120.961.449
Trích bổ sung thuế năm trước	-	-	-	-	-	(122.927.586)	(122.927.586)
Chia cổ tức trong năm (*)	-	-	-	-	-	(405.051.782.000)	(405.051.782.000)
Tăng vốn từ trái phiếu chuyển đổi	166.668.000.000	-	-	-	-	-	166.668.000.000
Tăng thặng dư vốn cổ phần từ tất toán chênh lệch giá cổ phiếu thường của các nhân viên đã thôi việc	-	280.000.000	-	-	-	-	280.000.000
Mua cổ phiếu quỹ trong năm	-	-	(88.206.646.731)	-	-	-	(88.206.646.731)
Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	86.417.596.723	160.000.000.000	(246.417.596.723)	-
Sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(83.712.263.782)	-	(83.712.263.782)
Lợi nhuận sau thuế 2008	-	-	-	-	-	259.300.504.110	259.300.504.110
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	1.366.666.710.000	1.996.057.965.000	(88.206.646.731)	115.064.783.174	84.134.993.178	423.558.040.839	3.897.275.845.460

(*): Trong năm, Công ty đã trả cổ tức đợt 2 cho năm 2007 và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2008 bằng tiền với tổng trị giá 405.051.782.000 (2007: 270.133.342.000 đồng và 2008: 134.918.440.000 đồng Việt Nam)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 Cổ phiếu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	153.333.471	136.666.671
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	153.333.471	136.666.671
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	153.333.471	136.666.671
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	153.333.471	136.666.671
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và chưa được góp vốn đầy đủ	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu ngân quỹ	(11.270)	(1.926.491)
Cổ phiếu ngân quỹ do công ty nắm giữ	(11.270)	(1.926.491)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(11.270)	(1.926.491)
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Cổ phiếu ngân quỹ do công ty con hoặc công ty liên kết của Công ty nắm giữ	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	153.322.201	134.740.180
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	153.322.201	134.740.180
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

25. DOANH THU

	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	1.133.451.687.284	983.532.468.222
Doanh thu môi giới chứng khoán cho người đầu tư	196.203.846.337	115.750.733.274
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	704.990.066.231	695.652.134.583
<i>Cổ tức</i>	173.056.235.453	105.365.247.375
<i>Trái tức</i>	96.256.146.661	127.637.260.625
<i>Lãi kỳ phiếu</i>	5.946.666.668	9.078.194.444
<i>Lãi bán cổ phiếu, trái phiếu</i>	423.371.678.909	430.352.368.781
<i>Doanh thu hoạt động đầu tư khác</i>	6.359.338.540	23.219.063.358
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	9.236.390.000	8.646.285.660
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	50.301.749.737	9.456.472.056
Doanh thu lưu ký chứng khoán cho người đầu tư	1.756.798.538	5.413.832.090
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	666.456.491	282.081.100
Doanh thu khác	170.296.379.950	148.330.929.459
<i>Thu lãi tiền gửi</i>	155.379.199.197	141.837.612.628
<i>Doanh thu khác</i>	14.917.180.753	6.493.316.831
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	(31.888.000)	(600.181.818)
3. Doanh thu thuần	1.133.419.799.284	982.932.286.404

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<i>Năm nay</i> VNĐ	<i>Năm trước</i> VNĐ
Chi phí môi giới, lưu ký chứng khoán	32.496.891.591	22.692.614.277
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	173.372.250.681	198.732.522.205
Chi phí/ (thu nhập) hoàn nhập dự phòng hoạt động kinh doanh chứng khoán	(200.476.716.379)	255.313.622.772
Chi phí vốn kinh doanh chứng khoán	63.868.532.698	80.171.135.771
Các chi phí trực tiếp khác về kinh doanh chứng khoán	149.111.232.546	145.689.811.576
<i>Chi phí nhân viên</i>	56.273.473.898	67.476.214.212
<i>Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm</i>	3.043.679.196	4.410.842.651
<i>Chi phí khấu hao và phân bổ</i>	22.239.566.134	22.343.394.067
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	38.594.967.928	26.166.741.542
<i>Chi phí thuê văn phòng</i>	19.165.167.063	17.848.895.083
<i>Chi phí khác</i>	9.794.378.327	7.443.724.021
	218.372.191.137	702.599.706.601

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Năm nay</i> VNĐ	<i>Năm trước</i> VNĐ
Chi phí nhân viên	4.573.200.827	4.041.660.577
Chi phí khấu hao và phân bổ	856.923.793	745.448.796
Chi phí dịch vụ mua ngoài	831.841.831	717.877.232
	6.261.966.451	5.504.986.605

28. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Năm nay</i> VNĐ	<i>Năm trước</i> VNĐ
<i>Thu nhập khác</i>	137.062.842	25.267.192.151
Thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất tại Nha Trang	-	24.770.114.818
Thu nhập khác ngoài hoạt động kinh doanh	137.062.842	497.077.333
<i>Chi phí khác</i>	103.548.166	22.335.211.375
Chi phí từ chuyển quyền sử dụng đất tại Nha Trang	-	22.153.751.856
Chi phí khác ngoài hoạt động kinh doanh	103.548.166	181.459.519
<i>Lợi nhuận khác</i>	33.514.676	2.931.980.776

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) trong 2 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được giảm 50% thuế TNDN trong 3 năm tiếp theo. Năm kinh doanh có lãi đầu tiên của công ty là 2001. Công ty được áp dụng mức thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 20% trong thời hạn 10 năm kể từ khi khai trương hoạt động kinh doanh năm 1999. Năm 2009 là năm cuối cùng Công ty được hưởng mức thuế suất 20%. Mức thuế suất cho các năm tiếp theo là 25%.

Theo Công văn số 11924/TC-CST ngày 20 tháng 10 năm 2004 và Công văn số 5428/TC-CST ngày 29 tháng 4 năm 2005 của Bộ Tài Chính, các công ty mới niêm yết trên thị trường chứng khoán được giảm trừ 50% thuế TNDN tính từ năm đầu tiên niêm yết. Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 15 tháng 12 năm 2006, theo đó, mức thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty trong năm 2009 là 20% (2008: 10%)

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty trong năm 2009 và 2008 được trình bày dưới đây:

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Lợi nhuận thuần trước thuế	908.819.156.372	277.759.573.974
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán	(175.673.780.623)	(107.981.610.337)
- Các khoản điều chỉnh tăng	55.574.822.490	-
<i>Chi phí dự phòng chứng khoán chưa niêm yết của năm nay</i>	<i>55.574.822.490</i>	<i>-</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm	(231.248.603.133)	(107.981.610.337)
<i>Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết (đã tính thuế năm 2008)</i>	<i>(130.942.367.680)</i>	<i>-</i>
<i>Cổ tức không chịu thuế</i>	<i>(100.306.235.453)</i>	<i>(105.365.247.375)</i>
<i>Thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất</i>	<i>-</i>	<i>(2.616.362.962)</i>
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	733.145.375.749	169.777.963.637
Thuế suất thu nhập doanh nghiệp	20%	10%
Thuế TNDN ước tính phải nộp	146.629.075.147	18.459.069.864
Thuế TNDN từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	146.629.075.147	16.977.796.364
Thuế TNDN từ chuyển quyền sử dụng đất	-	1.481.273.500
Thuế TNDN phải nộp bổ sung do phần dự phòng chứng khoán chưa niêm yết chưa được khấu trừ thuế trong năm 2008	13.094.236.766	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	159.723.311.913	18.459.069.864
Thuế TNDN phải nộp bổ sung năm trước	-	122.927.586
Thuế TNDN phải trả đầu năm	(379.380.041)	72.714.774.513
Điều chỉnh giảm thuế TNDN năm 2008 theo quyết toán thuế 2008	(57.721.378)	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm	124.005.717.940	91.676.152.004
Thuế TNDN ước tính còn phải nộp cuối năm	35.280.492.554	(379.380.041)

29.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty đã ghi nhận khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm 2009 và 2008 như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 VNĐ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chi phí dự phòng chứng khoán chưa niêm yết không được khấu trừ thuế năm nay	55.574.822.490	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại theo thuế suất 25%	13.893.705.621	-
	13.893.705.621	-

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 chuyển sang khấu trừ thuế trong các năm tiếp theo với mức thuế suất tạm áp dụng là mức thuế suất 25% của năm 2010.

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số tiền (VNĐ)</i>
Quỹ Tầm nhìn SSI	Công ty liên kết	Doanh thu hoạt động môi giới	9.930.312.378
Công ty CP Đầu tư Bất động sản SSI	Công ty nhận vốn đầu tư và có cùng Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Thực hiện hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán Tắt toán hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán	58.153.088.000 68.115.924.000
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	Công ty con 100% sở hữu	Ủy thác đầu tư Chuyển tiền khen thưởng, phúc lợi cho công ty con	200.000.000.000 0 3.115.339.397
Ngân hàng ANZ	Cổ đồng chiến lược	Chuyển đổi trái phiếu thành vốn Trả lãi trái phiếu chuyển đổi	25.238.800.000 8.086.436.300
Daiwa Securities Group Inc	Cổ đồng chiến lược	Chuyển đổi trái phiếu thành vốn Trả lãi trái phiếu chuyển đổi	11.773.800.000 3.772.166.717

Số dư Công ty với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm bao gồm:

<i>Công ty liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Các giao dịch</i>	<i>Khoản phải thu (VNĐ)</i>	<i>Khoản phải trả (VNĐ)</i>
Công ty CP Đầu tư Bất động sản SSI	Công ty nhận vốn đầu tư và có cùng Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Góp vốn đầu tư Thực hiện hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán Lãi repo phải thu	14.999.990.000 19.892.544.000 1.754.522.379	- - -
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	Công ty con 100% vốn sở hữu	Đầu tư góp vốn Phải thu lợi nhuận tích lũy đến 31/12/2008 của công ty con Thanh toán khác Ủy thác quản lý tài sản Các khoản khác	30.000.000.000 31.560.377.045 - 200.000.000.000 -	- - 1.220.000.000 - 517.539.664
Ngân hàng ANZ	Cổ đồng chiến lược	Tiền gửi của nhà đầu tư tại NH ANZ Nợ dài hạn trái phiếu chuyển đổi	42.643.321.033 -	- 33.653.200.000
Daiwa Securities Group Inc	Cổ đồng chiến lược	Nợ dài hạn trái phiếu chuyển đổi	-	15.698.200.000

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm 2009 là 8.438.440.649 đồng (bao gồm cả thuế Thu nhập cá nhân và các khoản bảo hiểm bắt buộc).

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản.

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông - VND	762.989.550.080	259.300.504.110
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	150.001.987	134.133.329
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu - VND	5.087	1.933

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

32.1 Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn	Ngân hàng đầu tư và các bộ phận khác	Tổng cộng
<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>					
1. Doanh thu trực tiếp	197.960.644.875	704.990.066.231	170.296.379.950	60.309.771.069	1.133.556.862.125
2. Các chi phí trực tiếp	32.496.891.591	(27.104.465.698)	63.868.532.698	-	69.260.958.591
3. Khấu hao và các chi phí phân bổ	122.997.015.734	14.908.729.180	2.662.273.068	14.908.729.180	155.476.747.162
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	42.466.737.550	717.185.802.749	103.765.574.184	45.401.041.889	908.819.156.372
<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>					
1. Tài sản bộ phận trực tiếp	2.177.804.993.956	3.595.583.320.861	814.104.158.436	1.454.685.890	6.588.947.159.143
2. Tài sản bộ phận phân bổ	144.419.798.015	17.505.430.062	3.125.969.654	17.505.430.062	182.556.627.794
3. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	121.623.657.874
Tổng tài sản	2.322.224.791.971	3.613.088.750.923	817.230.128.090	18.960.115.952	6.893.127.444.811
1. Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	1.507.597.681.459	13.517.539.664	359.254.339.345	2.229.777.500	1.882.599.337.968
2. Nợ phải trả bộ phận phân bổ	3.151.564.992	382.007.878	68.215.692	382.007.878	3.983.796.440
3. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	198.114.062.592
Tổng công nợ	1.510.749.246.451	13.899.547.542	359.322.555.037	2.611.785.378	2.084.697.197.000

32.2 Thông tin báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

33.1 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>
	VNĐ	VNĐ
Đến 1 năm	17.063.505.690	15.080.971.500
Trên 1 - 5 năm	62.225.846.760	60.088.464.000
Trên 5 năm	26.807.083.380	27.527.148.000

Các khoản tiền thuê này được xác định trên cơ sở giá thuê trên hợp đồng hiệu lực vào ngày 31 tháng 12 năm 2009. Các khoản tiền thuê phải trả bằng tiền đô la Mỹ được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 17.941 đồng.

33.2 Cam kết hỗ trợ hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết

Năm 2009, Công ty đã ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết đối với các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, trong đó Công ty sẽ góp vốn đầu tư bằng tiền để mua chứng khoán.

Giá trị các cam kết góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

<i>Chi nhánh</i>	<i>Cam kết góp vốn VNĐ</i>
Ngô Quyền	-
Hải Phòng	66.882.463
Trần Bình Trọng	12.586.186
Trụ sở chính (TP Hồ Chí Minh)	119.582.256
	199.050.905

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Công văn số 28/2010/CV-SSIHO ngày 11 tháng 01 năm 2010 của SSI gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty sẽ tiến hành thực hiện chuyển đổi 2.222.240 trái phiếu SSICB0306 thành cổ phiếu phổ thông theo tỷ lệ 1:10 vào ngày 30 tháng 01 năm 2010 và trả lãi cho số trái phiếu này. Đây là lần chuyển đổi cuối cùng của số trái phiếu chuyển đổi đã phát hành từ năm 2006.

Do trái phiếu chuyển đổi SSICB0306 đã được phát hành trước khi cổ phiếu SSI được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh nên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh sẽ không điều chỉnh giá tham chiếu cổ phiếu SSI khi tiến hành chuyển đổi trái phiếu SSICB0306 thành cổ phiếu.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. DỮ LIỆU SO SÁNH

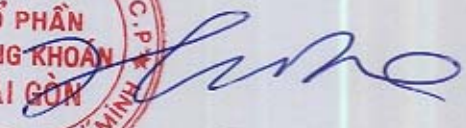
Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được trình bày theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính thay thế cho Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, do đó một số số liệu so sánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được trình bày lại cho phù hợp với hình thức trình bày báo cáo tài chính của kỳ này.



Kế toán trưởng
Hoàng Thị Minh Thủy



Giám đốc Tài chính
Nguyễn Thị Thanh Hà



Tổng Giám đốc
Nguyễn Duy Hưng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 3 năm 2010

C.P.K.